

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 36

MỤC LỤC

Đời thứ hai mươi, sau đời Thiền sư Đại Giám

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đạo Sinh ở Tiến Phước, có một vị:

1. Thiền sư Đạo Xung ở Kính sơn (Hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Văn ở Tịnh từ, có ba vị.

1. Thiền sư Diệu Cao ở Kính sơn (Hiện có ghi lục).

2. Thiền sư Giám - Chỉ Hoằng ở Thiên đồng.

3. Thiền sư Minh - Thiết Cảnh ở Hà sơn (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Quán ở Dục vương, có một vị:

1. Thiền sư Nguyên Hy ở Kính sơn (Hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thiện Trân ở Kính sơn, có hai vị:

1. Thiền sư Hạnh Đoan ở Kính Sơn (Hiện có ghi lục).

2. Thiền sư Giác ở Tào Khê (Không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Trọng Dĩnh ở Tịnh từ, có ba vị:

1. Thiền sư Liễu Vạn ở Giang tâm.

2. Thiền sư Ích ở Nhạc lâm (hai vị hiện có ghi lục)

3. Thiền sư Nhân - Vân Ốc ở Song lân (Không có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Bằng ở Song lâm, có một vị:

1. Thiền sư Tổ Ngân ở Linh ẩn (Hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Vân Tụ ở Thiên đồng, có một vị:

1. Thiền sư Đại Chứng ở Tuyết đầu (Hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tú ở Cô phong, có hai vị:

1. Thiền sư Ngưng - Hoàn Sơn ở Cổ sơn.
2. Thiền sư Giới - Nhất Nạp ở Song lâm (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Phổ Tế ở Linh ẩn, có 03 vị:

1. Thiền sư Khải. Đông Sư ở Tương sơn.
2. Thiền sư Đồng - Dã Ông ở Tuyết đầu.
3. Thiền sư Lai - Thạnh Môn ở Thiên đồng (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tự Cảnh ở Thiên đồng, có hai vị:

1. Thiền sư Chiếu ở Tùng song
2. Thiền sư Viên Nguyệt Phong (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Như Giác ở Tuyết sơn, có một vị:

1. Thiền sư Hữu - Không Nham ở Trung trúc (Không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhân - Đại Mộng ở Tuyết đầu, có một vị:

1. Thiền sư Trung - Không sơn ở Phụng phan (Không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuệ Khai ở Hoàng long, có một vị:

1. Hòa thượng Kiến - Hạt Lư (Không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tịnh - Thuần Am, có một vị:

1. Thiền sư Mưu ở Tây giang - Thiên đồng (Không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Sùng Nhạc ở Linh ẩn, có mười hai vị:

1. Thiền sư Thiện Khai ở Kim sơn.
2. Thiền sư Phổ Nham ở Đạo tràng.
3. Thiền sư Giác Thông ở Hoa tạng.

4. Thiền sư Hy Liên ở Long tường.
5. Thiền sư Quang Mục ở Thụy nham.
6. Thiền sư Văn Lễ - Thiên Mục (hai vị không ghi lục)
7. Thiền sư Khiêm - Đại Hiết ở Tuyết đậu.
8. Thiền sư Đạo - Cốc Nguyên ở Tịnh từ.
9. Thiền sư Nham - Vân Sào ở Thụy nham.
10. Thiền sư Đàm - Tật Lê ở Hồ khâu.
- 11-Thiền sư Tâm ở Bắc hải.
12. Thiền sư Triệu ở Nặc am (sáu vị không ghi lục).

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIÊN SƯ ĐẠO SINH Ở TIẾN PHƯỚC

1. Thiền sư Đạo Xung ở Kính sơn.

Thiền sư Đạo Xung - Sĩ Tuyệt ở Kính sơn, vốn người dòng họ Tuân ở Trường giang, Võ tín. Thân mẫu Sư vốn người dòng họ Quách. Sư vừa mới sinh mà trên sung túc dưới ngặt gọn, từ lúc thiếu thời lớn dần Sư đã cho là học hành đồ đạt tiến sĩ ứng chiếu làm quan không lợi, bèn thọ học Phật pháp, đến lễ ái Sa-môn Tu Chứng ở viện Diệu quả tại tử châu cầu xin xuất gia. Xong, Sư vân du đến thành đô tập học kinh luận. Năm Nhâm tý (1192) thuộc niên hiệu Thiệu Hy (1190-1195) thời Nam Tống, ra khỏi hạp, Sư xoay quanh khắp xứ kinh sở. Bấy giờ, Thiền sư Nhạc - Tùng Nguyên đang xưng đạo của Thiền sư Hàm Kiệt - Mật Am ở Tiến phước tại Nhiêu châu, Sư bèn thẳng đến đó cầu xin nương tựa, nhưng gặp phải năm đói kém nên không nhận, lại nhân gặp Thiền sư Đạo Sinh - Tào Nguyên ra đời hoằng hóa đang ở tại Diệu quả, nghe thế, Sư bèn vào cửa thưa hỏi đàm nói mà có sự tỉnh ngộ. Vào tham đường, bảo Sư hầu hương, Sư bèn sớm tối cùng theo đi, nắm đấm tay già vết đau cây gậy chẳng thiếu mượn vay, mọi thấy biết của thừa bình sinh đến đó phần nhiều đều không ảnh hưởng. Khi Thiền sư đạo sinh, chuyên đời đến Quy phong, Sư cũng theo hầu. Qua ba năm sau, viết kệ tụng già từ đến đất chiếc, trong đó có lời nói là: “Còn thừa cùng cho một đôi tay, cần đến các phương gãi nơi ngứa”. Khi Sư đến kinh đô thì Thiền sư Nhạc - Tùng Nguyên lại đang chủ sự ở Linh ẩn, Sư bèn vào nương tựa. Đến năm Kỷ mao (1219) thuộc niên hiệu Gia Định (1208-1225) thời Nam Tống, đang là ở đệ nhất tòa tại Kính sơn, Sư ứng đáp sự thỉnh mời đến ở Quang hiếu - Gia hòa hoằng hóa, nối dõi dòng pháp của Thiền sư Đạo Sinh - Tào Nguyên. Bấy giờ Am Nguyên, Giác Am, Tức Thiền

sư Nguyên - Phùng Am, Thiền sư Phạm. Vô Tướng, Thiền sư Nguyệt - Thạch Khê đều ở trong hội, đạo phong vang vọng đến triều đình. Trung hiếu Vệ vương dùng Đường thiếp bá trừ Tương sơn, gần sông dễ ngâm nước nên phân nhiều ruộng dưới không được mùa, Sư nhận chịu đói kém, đi khát thực để nuôi dưỡng các bậc hiền sĩ, ở suốt mười ba năm mà không tỏ vẻ mệt nhọc. Đến năm Kỷ hợi (1239) thuộc niên hiệu Gia Hy (1237-1241) thời Nam Tống, Thị lang Đông Quyển Tào Công Bản Thống suất mâm châu, nghe đạo phong Sư vang vọng nên đem cỗ sơn để mời đón Sư, chưa đi đến đó thì Từ Tuyết Phong có điệp văn đưa đến thỉnh mời. Sư đến nhận lãnh việc được nửa năm thì lại có chiếu ban mời đến ở Thiên đồng, chúng Tăng nhóm tụ như biển, pháp độ tu chỉnh tỏa sáng, tuy các bậc trí lớn hưng thịnh ở đương thời chẳng ai hơn được. Lại nữa tại Dục vương, pháp tịch bị trống phước, Sư phải nhận nhiếp việc trú trì, qua lai giảng pháp cả hai nơi. Có lúc lên giảng đường Sư bảo: “Thiên Đồng dùng đến tận cùng, lại Dục vương dùng chẳng nhằm, tại Dục vương dùng đến tận cùng, trở về Dục vương dùng chẳng nhằm, tuy là như vậy, nơi dùng chẳng nhằm, nơi dùng có thừa, một mũi tên bắn cả hai con chim điều tùy theo tay mà rơi lạc”. Lại nhân ngày kết hạ, lên giảng đường Sư bảo: “Già-lam Viên giác, mỗi mảy trần đều có đường, ngòi đứt đến đi, chóng trắng xưa nay, nơi nào mười ba, nơi này mười lăm, sau trước chẳng sai một mảy tóc. Đấng cười Lão Cù-đàm mặt vàng, đến nay chẳng biết nói lạc. Đến năm Giáp thìn (1244) tức năm Thuần Hựu thứ hai (1), lại có sắc chỉ dời đến ở Linh ẩn, mà ở đời hẩn có người không vừa ý đối với Sư, Sư bèn giống trống báo cùng đại chúng về ẩn náo tại Kim lăng, Kinh Triệu Duẫn sai quan thuộc theo tìm lôi kéo Sư đến ở Tô đài nhưng không thể được, triều đình lại ban lệnh lấy Hồ khâu làm nơi để Sư dưỡng Lão nhưng Sư cũng không đến. Lưu Thù Hư Trai Triệu Công lấy Tương sơn để thỉnh mời nhưng Sư cũng không đến. Mùa xuân năm Mậu thân (1248), tại Dục vương, Thiền sư Kham - Tiểu Ông tán phải pháp tịch, triều luận lấy nhà cũ đại giác chẳng khinh ban cho mời Sư đến ở ẩn tại đó, sai sứ đến ba lần nhưng đều trở về không, cuối cùng Sư chẳng vâng phụng sắc chiếu. Năm sau lên Kính sơn, chưa bao lâu nơi mạng ngực Sư cảm phát bệnh mãi qua mùa xuân năm sau không lành khỏi, nhưng Sư vẫn lên pháp tòa giảng pháp không phước bỏ, đến cuối tháng hai Sư mới không ra nhưng nói kệ tụng viết văn tán thán, vui cười nói bàn v ẫn như lúc bình thường. Vị Tăng hầu Sư cầu xin Sư lưu lại kệ tụng, Sư thấy xua chẳng đoái hoài, thế rồi, Sư cười bảo vị Tăng ấy là: “Một câu cuối cùng, không thể thương lượng, chỉ cần mỗi người,

ngay đó nhận lấy”. Từ đó, Sư vắng bật thuốc thang, tuyệt dứt mọi việc bên ngoài, đến nửa đêm mười bốn (?), Sư ngồi dậy, khoanh khắc bèn thị tịch - Đồ chúng nghinh đưa về an táng tại trong núi Kim lăng”.

ĐỆ TỬ NỐI DỐI THIỀN SƯ VĂN Ở TỊNH TỪ

1. Thiền sư Diệu Cao ở Kính sơn.

Thiền sư Diệu Cao - Vân Phong ở Kính sơn tại Hàng châu, vốn người xứ Trường Khê, Phước châu. Gia đình nhiều đời nối nghiệp Nho giáo. Thân mẫu Sư là người dòng họ Nguyễn mộng thấy trên ao có một trẻ nhỏ chấp tay ngồi giữa nhụy hoa sen, đưa tay bưng đồ lấy, bỗng tỉnh giấc mà sinh Sư, nhân đó đặt tên Sư là “Mộng Trì” Sư dáng vẻ thần sắc tuấn tú ham thích sách vở, rất ham thích kinh sách Phật giáo, cố cầu xin học pháp xuất thế, đến nương tựa Thiền sư Trạch - Vân Mộng ở Ngô trung cầu thọ giới Cụ túc. Sư ý chí bén nhạy cầu đạo tham đầu dứt tuyệt si ám. Tiếp theo, Sư đến bái yết Thiền sư Vô Chuẩn rất mến quý Sư. Sư lại đến Dục vương bái yết Thiền sư Văn - Yển Khê. Vào thất Sư trông giữ chìa kho kho tàng. Một ngày nọ, Thiền sư Văn nêu cử: “Thí như trâu đi qua lá chắn cửa sang, đều, sừng và bốn châu đều qua xong nhân gì cái đuôi không qua được?” Vụt nhiên, Sư có sự tỉnh ngộ liền đáp rằng: “Cá kình nuốt hết nước biển, bày ra cảnh san hô”. Thiền sư Văn ấn khả cho Sư - Gặp lúc Thiền sư Văn chuyển dời đến phương Nam tỉnh lảng, Sư cũng cùng theo đi. Về sau, ra đời hoàng hóa, Sư đến ở Đại lô, Tuyên hưng, làm đích tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Văn. Sư lại chuyển dời đến Khuyến trung, Tráp xuyên, Hà sơn, Vân nạp, lui tới bốn nơi. Gặp lúc tại Tương sơn pháp tịch bị trống phế, Sư vân phụng sắc chỉ thỉnh mời đến ở đó. Qua mười ba năm mà Tăng chúng có hơn 5000 vị. Đến năm Ất hợi (1275) thuộc niên hiệu Đức Hựu (1275 - 1276) thời Nam Tống. Chùa bị quân sĩ phá hoại, có người cưỡng ép Sư muốn đòi kiếm vàng, bỗng dùng mũi nhọn áp đảo Sư, Sư đưa dài cổ bảo: “Muốn giết thì cứ giết, đầu tôi không thể chết bởi dao nhọn của ông vậy”. Ngôn từ nhan sắc Sư không tỏ vẻ khiếp sợ, các quân sĩ cảm động ném bỏ mũi nhọn mà đi. Thừa tướng Bá Nhan Công gặp thấy Sư cũng thêm kính trọng, bèn cúng thí trăm con trâu, thiết trai lương thực cúng dường có đến năm trăm. Chùa nhờ đó mà cấp giúp. Đến năm Canh thìn (1280) thuộc niên hiệu Chí Nguyên (1264 - 1295) thời nhà Nguyên, Sư chuyển dời đến ở Kính sơn, chùa gặp phải hỏa lụt. Mới tạo dựng lại, mười phần chỉ được một, Sư dốc tâm xây dựng, chưa đầy mười năm thấy đều hoàn tất như Cựu Quán. Đến mùa xuân năm Mậu tý (1288), ma sự bỗng nhiên dấy

loạn, có người sàm tấu muốn phá hủy Thiên tông. Sư than rằng: “Đây là việc lớn của Tông môn. Ta phải nhận chịu lấy cái chết mà tranh đấu!” Bèn đến kinh đô. Triều đình có sắc chỉ nhóm tập các tông đồ đến cùng biện luận. Vua (Thế Tổ - Hốt Tất Liệt) hỏi: “Thiền lấy gì làm Tông?” Sư đáp: “Tịnh trí diệu viên, thể vốn không tịch, chẳng phải nói mà thấy nghe hay biết nghĩ lường phân biệt có thể thấu đạt”. Tuyên hỏi vài ba phen Sư đều lần lược nêu cử chư Tổ từ Tây vực cho đến thân Trung Hoa và cả nhân duyên đánh gậy, quát hét của Đức Sơn, Lâm Tế, đại khái thiền là chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, vượt tối thượng thừa chẳng có ai hơn được thiền”. Ngôn từ ý chỉ rõ bày có hơn hai ngàn (2.000) lời. Vua lại tuyên bảo: “Đến trước giường cùng người sàm tấu phản phúc luận nạn. Kẻ sàm tấu ấy bị bẻ gãy cụt lời. Nhà vua rất vui vẻ, Thiền tông trở lại an bình như mới đầu. Xong, đến trước thêm già từ trở về phương Nam. Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: “Ta vốn ẩn trốn sâu xa nơi hang hốc, lánh né qua thời gian, chẳng thể gọi là mặt nhật soi chiếu đất trời quan lâm, khó ẩn trốn đến đất bắc”. Sư lại bảo: “Vá choàng che đầu muôn sự nghĩ, thời này sơn Tăng đều chẳng hiểu”. Kính sơn lại bị tay biến một lần nữa, Sư bảo cùng đại chúng rằng: “Xưa trước ta cô phụ nên núi này trách vậy”. Và bèn đốc sức tạo dựng lại, xây quanh bờ điện làm hồ, phòng ốc khác lần lược lạc thành. Đến ngày 17 tháng 06 năm Quý ty (1293), Sư viết kệ tụng lưu lại mà thị tịch. Sư sinh ngày 17 tháng 02 năm Kỷ mao (1219) thuộc niên hiệu Gia Định (1208 - 1225) thời Nam Tống, hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi chín hạ lạc, an táng tại sườn núi phía Tây của chùa.

ĐỆ TỬ NỐI DÔI THIÊN SƯ QUÁN Ở DỰC VƯƠNG

1. Thiền sư Nguyên Hy ở Kính sơn

Thiền sư Nguyên Hy - Hối Cơ - Phật Trí ở Kính sơn, vốn người dòng họ Đường ở Dự chương. Gia đình nhiều đời nối nghiệp Nho giáo, Sa-môn Minh ở viện Minh giác tại Tây sơn là người chú cùng họ của Sư - Thân phụ Sư nhóm tập con em trong tông tộc để chỉ dạy học tập theo sách vở thế gian. Sư cùng người anh là Nguyên Linh đều theo nghiệp tiến sĩ, Nguyên Linh đã đỗ đạt, khi ấy Sư vừa mười chín tuổi bèn theo Sa-môn Minh mà cầu xin xuất gia. Lúc sắp du phương thân mẫu Sư rất mến thương, riêng lấy bạch kim làm trang sức Sư cho là của cải đầy đủ là táng mất, bèn khéo từ chối giả biệt thân mẫu ra đi chẳng theo một tiền. Đến đất Ngô, một thời các bậc danh túc đều muốn ra. Sư ở dưới tòa chẳng hề đoái hoài. Nghe Thiền sư Quán - Vật sơ đang xiển hóa

tại Ngọc kỷ, Sư bèn đến nương tựa. Thiền sư Quán cũng đàm nói, rất kinh ngạc về Sư - Sư ở lại theo hầu gần gũi, sớm tối thưa hỏi, mở hết ẩn bí. Thiền sư Quán bèn đặt tên tự cho Sư là “Hối Cơ” và khuyên răn Sư bằng bài kệ tụng. Về sau đến Tiền đường bá yết Thiền sư Dĩnh - Đông Sư ở Nam bình, bèn mời Sư trông coi chuyên việc thư ký. Trong khoảng niên hiệu Chí Trung (1264 - 1295) thời nhà Nguyên, tổng thống Dương Liên Chân vâng phụng sắc chỉ đi thỉnh lấy xá lợi từ tháp vua A Dục cúng tạo đưa vào cúng dường mới đến thành cầu Sư ghi thuật về đầu đuôi sự tích Xá-lợi như thế nào, nhân đó thỉnh mời Sư đồng đi, Sư chối từ và bảo: “Tôi có mẹ già sau chiến trận còn mất như thế nào chưa rõ biết”. Rồi Sư bèn trở về Giang tây thì Nguyên Linh trước vì làm Lâm giang thông thán nên theo Văn thừa tướng dấy binh mà qua đời, riêng còn thân mẫu Sư ở tại nhà. Sư dốc lòng phụng dưỡng, do tâm hiếu hạnh mà tiếng tăm vang vọng. Sư ẩn cư tại Tiềm sơn trong quê nhà. Đến năm Nguyên Trinh thứ hai (1296) thời nhà Nguyên, ra đời hoàng hóa. Sư đáp ứng sự thỉnh mời đến ở Bách trượng. Ở đó mười hai năm mà pháp tịch hưng thịnh đồ chúng đông nhiều. Đến đầu niên hiệu Chí Đại (1308) thời nhà Nguyên, Sư lại ứng đáp sự thỉnh mời đến ở Tịnh từ. Ngày nhập tự, Hàng trung - thư - tỉnh, hàng - tuyên - chánh - viện cùng các quan thuộc đồng phủ phục nghinh thỉnh Sư phát dương Tông chỉ. Các bậc nạp Tăng anh kiệt ở bốn phương đồng nhóm tập. Lên giảng đường Sư bảo: “Vân Môn nói:” Cái chữ “Phổ” khắp đại địa mọi người chẳng biết làm sao”. Rất không biết Vân Môn, tứ lãn xả bỏ đất, lúc ấy nếu có người gần giọng hét một tiếng, đời lão ấy phát tuôn xấu ác, từ từ mà đánh cái thăm hỏi đạo, chớ quá ngại xúc nghịch tốt lành, chẳng chỉ nâng đỡ dạy lão ấy, quản lấy câu thoại lưu hành khắp thiên hạ”. Sư ở đó bảy năm, lại trở về Kính sơn, ở qua ba tháng, Sư lại cụ bị trượng sách về ở dưới Nam sơn. Lại thỉnh mời Sư nhưng Sư chẳng đến. Các bậc học giả ở Giang tây nghe Sư rút lui nhân tỉnh đều nhóc lòng Chí thành thỉnh cầu pháp vị. Đồ chúng Đại ngưỡng - Bách trượng tranh nhau lại thỉnh mời Sư, Sư chối từ không được bèn trở lại ở Ngưỡng sơn. Ở đó ba năm, đến lúc sắp tịch, Sư viết thư tay trao truyền qua lại, viết kệ tụng chỉ dạy đại chúng, xong Sư buông bút mà tịch. Lúc đó là ngày 17 tháng 08 nhuận năm Diên Hựu thứ sáu (1319) thời nhà Nguyên, Sư hưởng thọ tám mươi hai tuổi. Dưới Đại ngưỡng có tảng đá kim kê, theo Đại sư ứng mã huyền sám, nên an táng nhục thân Sư tại đó, mà đồ chúng của Sư ở tại Hàng châu lại dựng tháp vọng thờ tại Tây ẩn của Tịnh Từ để lưu tồn nơi tôn kính. Đệ tử nối dõi dòng pháp của Sư có Thiền sư Ân ở Tiểu ẩn, Thiền

sư Anh ở Thạch thất, Thiên sư Luân ở Trọng phương, v.v...

ĐỆ TỬ NỐI DỐI THIÊN SƯ THIỆN TRÂN Ở KÍNH SƠN

1. Thiên sư Hạnh Đoan ở Kính sơn.

Thiên sư Hạnh Đoan - Nguyên Sư ở Kính sơn tại Hàng châu, vốn người dòng họ Hà ở Lâm hải. Gia đình nhiều đời nối nghiệp Nho giáo. Sư vừa mới sinh đã tỏ vẻ thông minh tú phát, từ bé thơ đã không ăn dùng các thứ tanh nồng. Năm mười hai tuổi, Sư theo người chú trong họ là Sa-môn Mậu cầu xin xuất gia, bèn được độ ở viện Hóa thành tại Dư hàng. Năm mười tám tuổi, Sư thọ giới Cụ túc. Tất cả mọi thứ văn tự chẳng do thầy chỉ dạy mà tự nhiên Sư có khả năng thông rành. Mới đầu đến dự tham nơi Hòa thượng Tạng Sư ở Kính sơn. Hòa thượng Tạng Sư - Thiện Trân hỏi: “Ông là người xứ nào?” Sư đáp: “Người xứ Đài châu”. Hòa thượng Thiện Trân hét một tiếng, Sư trái toạ cụ ra. Lại hét một tiếng, Sư gấp toạ cụ lại, Hòa thượng Thiện Trân bảo: “Tha cho ông ba mươi gậy, tham đường đi”. Ngay lời nói ấy bỗng nhiên Sư chóng ngộ, Thiên sư Thiện Trân liền mời Sư vào hầu ty. Đến lúc Thiên sư Thiện Trân thị tịch, Sư đến tịnh từ nương tựa Cung Công - Thạch Lâm, liền bảo Sư làm ký thất. Sau đó Sư cho Linh ẩn là nơi non nước tú ưu thắng, bèn đến treo tích tượng tại đó. Sư từng tự xưng là “Hàn Thập” có Cung Công - Hoàn Xuyên, người ở trong làng quê đang ở tại Dục vương, viết kệ tụng thỉnh mời Sư là:

*“Xa xa khoảng đất trời,
Riêng có Hàn sơn tử”.*

Sư trọn chẳng qua sông, mà đến bái yết Chân Công - Giác Am đang ở Thừa thiên, lại đến tham yết Khâm Công - Tuyết Nham tại Ngưỡng sơn, Khâm Công hỏi: “Ông từ xứ nào lại?” Sư đáp: “Hợp lấy ngưỡng miệng”. Khâm Công bảo: “Cầu lại kính cao, núi tập vân vút, chưa biết thư ký ở tại đâu?” Sư vỗ tay đáp: “Vịt nuốt con ốc trông mắt chột lồi ra”. Khâm Công cười xoay lại bảo Thị giả: “Khéo rót trà mang lại”. Sư nói: “Cũng chẳng tiêu được”. Sư ở đó ba năm thì Khâm Công thị tịch. Sư mới trở về ở Chế hữu, Kính sơn thỉnh mời Sư đến ở Đệ nhất tòa.

Đến năm Canh tý (1300) thuộc niên hiệu Đại Đức (1297 - 1308) thời nhà Nguyên, ra đời hoàng hóa Sư đến ở Tư phước tại Hồ châu, học chúng đua nhau kéo đến, tiếng tăm vang vọng đến tận kinh đô. Nhà vua đặc biệt ban sắc tặng Sư hiệu là “Tuệ Văn Chánh Biện Thiên sư”. Trung - thư - bình - chương - sự - Trương Lư Công đang nhậm giữ Hành

tuyên chánh xứ, mới đầu đề cử thỉnh mời Sư đến làm chủ Trung thiên trúc. Ngày khai đường giảng pháp, các hàng công suất liêu thuộc đều đến dự tham dưới tòa. Đến năm Nhâm tý (1312) thuộc niên hiệu Hồng Khánh (1312 -1314) thời nhà Nguyên, Sư chuyển dời đến ở Linh ẩn. Lại có sắc chỉ thiết lập đại hội Thủy lục tại Kim sơn. Thỉnh mời Sư lên tòa giảng pháp, xong việc Sư lại vào thăm hầu, vua lại ban tặng Sư hiệu là “Phật Nhật Phổ Chiếu”. Sư giả từ theo hướng Nam trở về dưỡng cao tại am ở phía tây Lương chữ, đến năm Nhâm tuất (1322) thuộc niên hiệu Chí Trị (1321 - 1324) thời nhà Nguyên, tại Kính sơn pháp tịch trống vắng, Tuyên chánh hàng viện thỉnh mời bổ nhậm Sư đến ở đó. Sư đến nói là có ba lần ban tặng pháp y ca-sa kim lan. Suốt hai mươi năm, chân Sư chẳng bước ra khỏi ngạch cửa, mà các hàng kính mộ đạo phong của Sư nhóm tụ đến không nơi dung chứa. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là chánh pháp nhãn tạng?” Sư đáp: “Đầu ngã tư đường, đá dăm cản chận”. Lại hỏi: “Chẳng chỉ dừng ấy bèn là phải?” Sư đáp: “Vầng nguyệt tợ cung cong, ít mưa nhiều gió”. Có lúc lên giảng đường, nêu cử: “Có vị Tăng hỏi Triệu Châu: “Con chó có Phật tánh không?” Triệu Châu đáp: “Không”. Lại có vị Tăng khác hỏi: “Con chó có Phật tánh hay không?” Triệu Châu đáp: “Có”. Xong, Sư bảo: “Nếu lấy “Không” làm rốt ráo, sau lại nhân gì nói là “Có”? Nếu lấy “Có” làm đích xác, trước mặt nhân gì mà nói “Không”? Ở trong đây bắt giặc Triệu Châu, hứa cho các người trên trời dưới trời”. Lại có lúc lên giảng đường Sư bảo: “Gió thu mát, đêm thu dài, khách chưa về, nghĩ nhớ quê hương”. Sư vỗ xuống thiền sàng một cái tiếp bảo: “Tự là chẳng về, về bèn được, cảnh khối Ngũ hồ có ai tranh”. Sư từng khám xét hỏi vị Tăng mới đến: “Thánh giả ở phương nào, Linh kỳ ở xứ nào?” Vị Tăng ấy đáp: “Lâm trẫm châm”. Sư bảo: “Dứt chơn thiền hòa như vừng tợ thóc, tham đường đi”. Sư lại khám một vị Tăng khác: “Bàn thờ đá chẻ phá cửa ngực ông, bồn chén ao ngâm nát bảng chân ông”. Vị Tăng ấy định mở miệng đáp. Sư liền quát hét. Sư lại khám xét một vị Tăng khác: “Đánh mở hoa nhạc liên trời xinh, phóng ra Hoàng hà suốt đáy trong, tức tạm để đó, còn trên thật địa nói đem lại một câu xem?” Vị Tăng ấy định mở miệng đáp, Sư bèn đánh, Sư dùng máng chửi quát hét vì môn nhân đệ tử mà tha thiết dạy răn, vì chẳng gần tình người thực hành đạo đại công trong thiên hạ. Việc lợi tha của Sư đều ngầm mà làm đó, không rằng chẳng nói. Sư sinh năm Ất mao (1255) thuộc niên hiệu Bảo Hựu thời Nam Tống (1255 - 1259), đến ngày mồng 04 tháng 08 năm Tân Ty (1341) thuộc niên hiệu Chí Chánh (1341 -1368) thời nhà Nguyên, Sư viết kệ tụng giả biệt đại

chúng rằng:

*“Vốn không sinh diệt,
Sao có đến đi.
Sông băng phát lửa,
Cây sắt nở hoa”.*

Xong, Sư buông bút, duỗi một chân mà thị tịch, hưởng thọ tám mươi tám tuổi, bảy mươi sáu hạ lạc. Đến ngày 11 tháng đó, nghinh đưa toàn thân Sư an táng tại viện Thập tịch chiếu. Sư có các đệ tử như Trúc Tuyên, Lâm Cổ, Đảnh Minh, Mộng Đường, Ngạc Sở, Thạch Kỳ, Dừng Trung Cập v.v... đều đủ để làm cao lớn Tông ấy.

ĐỆ TỬ NỐI DỐI THIỀN SƯ TRỌNG DĨNH Ở TỊNH TỪ

1. Thiền sư Liễu Vạn ở Giang tâm.

Thiền sư Liễu Vạn - Nhất Sơn ở Giang tâm tại Ôn châu, vốn người dòng họ Kim ở Lâm xuyên. Sư dáng mạo gầy ốm. Năm mười lăm tuổi, Sư học nghiệp trình văn rất có tiếng tăm, nhưng chí khí muốn xuất gia, chẳng đoạt, bèn đến nương tựa Sa-môn Tư ở viện Thường lạc tại Kim Khê mà cầu xin xuất gia, bỗng nhiên có Linh Chi Sản Hộ Xu chiêm đoán, Sư bảo là điềm tốt. Đến lúc du phương, Sư vào bái yết Thiền sư Văn - Yển Khê, Thiền sư Giác - Kinh Sư, Thiền sư Kính - Giản ông đều cùng hợp ngữ. Khi Thiền sư Trọng Dĩnh - Đông Sư nhận lãnh Nam bình, chọn Sư làm chưởng ký. Chợt đi qua đền thờ thần Sư thấy tro giấy theo gió xoay nổi bỗng nhiên quên bậc sở chứng, bèn trình bày cùng Thiền sư Trọng Dĩnh. Thiền sư Trọng Dĩnh hỏi vạn lại Sư trọn không ngưng trệ. Nhân đó mà Sư ấn chứng. Sau, Sư vân du đến Thiên thai, và cảnh chúng thỉnh mời khai đường giảng pháp tại Hàn nham. Sư trọn nối dõi dòng pháp của Thiền sư Trọng Dĩnh - Đông Sư. Qua ba năm sau, Sư chuyển đến ở Tiên cư, Tử trạch. Lại qua mười năm sau, Sư chuyển đến ở Sơ sơn đang lúc bàn nghị nếu chẳng hợp tức liền đánh lui. Sau đó không bao lâu, Giảng Hoài tổng thống nhóm tập Chư sơn đến Trực chỉ đường ở Linh ẩn cùng bàn luận lấy Khai tiên để thỉnh mời Sư đến ở. Sư đến chăm việc tụng lâm đánh tân. Lại trải qua mười năm lên ở Giang tâm, hơi có việc chẳng vừa ý Sư bèn bỏ đi. Chúng Tăng trong chùa có vài trăm vị khẩn cầu lưu lại, cùng theo Sư đến nơi của Bằng Công nhưng Sư vẫn không chấp thuận, mỗi tự khóc than giả biệt tan về mà Sư vẫn tự nhiên như thoát được gông cùm. Gặp lúc Thiền sư Minh - Nguyệt Giản ở Đông Khê đưa thuyền đến thỉnh đón Sư về ở đó. Đến lúc Thiền sư Minh thị tịch, đại chúng ở Khai tiên lại đến cầu thỉnh Sư

trở về. Sư quyết sức chối từ. Đại chúng khẩn thiết bức bách vài ba phen, nguyện chẳng vì việc chùa phiến lụy đến Sư, chỉ xin Sư dạy răn đồ chúng mà thôi vậy. Đến ngày 26 tháng 11 năm Hoàng Khánh thứ nhất (1312) thời nhà Nguyên, Sư cảm mắc bệnh, ngồi nơi tòa cao, chẳng cần thuốc thang. Qua bảy ngày, đòi tắm gội thay y phục rồi ra ngồi nơi án sách viết lời giã biệt đại chúng. Xong, Sư ngồi mà thị tịch. Sau khi trà tỳ gom nhặt được Xá-lợi năm sắc bằng hạt đậu nhiều vô số, hai tròng mắt không tiêu hoại, lại nung đốt lửa mạnh, thì càng sáng rõ hơn, răng và đánh cốt cứng chắc va chạm nhau có tiếng leng keng. Bấy giờ cải đổi làm tháp Ô-già ở Dự chương. Giang tây hàng tỉnh thừa tướng Cán Xích bảo lấy nơi tôn trí Xá-lợi của Đức Thế Tôn xưa cũ mà tôn trí Xá-lợi của Sư vào đó, đồng thời bảo kẻ sứ phân chia tròng mắt, Xá-lợi của Nhất Sơn tôn trí trong hộp bạc mà an táng, ngoài ra các cốc Xá-lợi còn lại thì an táng tại Đông Khê.

2. Thiên sư Ích ở Nhạc lâm.

Thiên sư Ích - Úc Đường ở Nhạc lâm tại Phụng hóa, vốn người xứ Ôn châu. Sư khai đường giảng pháp ở Thiên ninh tại Vụ châu, rồi lên Chương Thánh, đến Nhạc lâm. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Người xưa nói: “Trong ta không có pháp cho người, chỉ là y cứ như thực mà kết án”. Trong Chương Thánh cũng không có pháp cho người, cũng chẳng y cứ như thực mà kết án”. Sư nắm cây gậy tiếp bảo: “Thế nào là chân không của Phật đập trên hoa sen? Thế nào là việc Phật hưởng thượng? Khắc hoạ cột xà”. Sư ném cây gậy xuống rồi trở về phương trượng. Nhân ngày 15 tháng 02, lên giảng đường, Sư đánh cây phát trần xuống một cái, bảo: “Ngày nay Chương Thánh gần ba mươi năm trước, trong tro lạnh nướng rang ra một hạt đậu đen, kéo tròng mắt lão hồ đi”. Sư hét một tiếng tiếp bảo: “Giả sử có một pháp quá hơn Niết bàn thì một tiếng hét của ta đây chẳng làm rụng của một tiếng hét vậy”.

ĐỆ TỬ NÓI DỐI THIÊN SƯ BẰNG Ở SONG LÂM

1. Thiên sư Tổ Ngân ở Linh ẩn.

Thiên sư Tổ Ngân - Duyệt Đường ở Linh ẩn tại Hàng châu, vốn người dòng họ Chu ở Nam khương, Sư ra đời ngày mùng 01 tháng 08 năm Đoan Bình thứ nhất (1234) thời Nam Tống. Năm mười tuổi, Sư vâng lời chỉ dạy của song thân, đến nương tựa chùa Gia Thụy mà cầu xin xuất gia. Sư lễ bái một mình Thiên sư Yển mà xuống tóc thọ giới Cụ túc. Một ngày nọ đọc xem kinh Hoa Nghiêm đến “Chỉ một thân kính chắc hiện trong hết thủy mảy trần”, bỗng nhiên có sự tỉnh ngộ. Sư đến

bái yết Trí Công - Biệt Sơn ở tại Tương sơn. Trí Công hỏi: “Ông vừa rời nơi nào đến đây?” Sư đáp: “Từ Giang tây”. Trí Công tiếp bảo: “Mã Đại sư có an lạc chăng?” Sư kéo tay bước tới gần đáp: “Hòa thượng dậy đi” Trí Công bèn bảo Sư hầu hương. Sau đó không bao lâu, Sư đến Hàng châu bái yết Luân Công - Kiều đang ở tại Tịnh từ, Luân Công hỏi: “Lâm Tế ba lần gặp Hoàng Nghiệt đau cây gậy, phải vậy chăng?” Sư đáp: “Được của người một trâu, trả cho người một ngựa”. Luân Công gật đầu chấp thuận. Luân Công thị tịch thì Thiên sư Bằng - Giới Thạch - Bách Sơn vừa được bổ nhậm đến đó. Một ngày nọ trong thất, nêu cử câu thoại cây bách, Sư định mở miệng bàn nghị thì Thiên sư Bằng gần giọng bảo: “Sao chẳng nói Hoàng hạc lâu trước Oanh vũ châu?” ngay lời nói đó, Sư chóng tỏ ngộ. Thiên sư Bằng liền bảo Sư hầu hương. Lâu sau, Sư trở về Đông nham tại Lô sơn, Nhật Công ở Viên thông thỉnh mời Sư đến phân tòa. Cửu giang thú tiên châu tôn thỉnh mời Sư ra đời hoàng hóa, đến ở Tây lâm nối dõi dòng pháp của Thiên sư Bằng - Giới Thạch.

Năm Chí Nguyên thứ hai mươi lăm (1288) thời nhà Nguyên, Sư chuyển dời đến ở Khai tiên, lại tuyển chọn đến ở Đông lâm. Đến đầu niên hiệu Nguyên Trinh (1295) thời nhà Nguyên. Sư vân phụng sắc chiếu vào nội cung, bàn luận đối đáp, xứng hợp Thánh chỉ, được ban tặng ấn thư đề hiệu Sư là “Thông Tuệ Thiên sư” và pháp y bằng kim lan. Đến năm đại đức thứ chín (1305) thời nhà Nguyên, Sư lên ở Linh ẩn. Sư từng khám xét một vị Tăng rằng: “Chư Phật như số vi trần tại trên đầu lưỡi ông, ba tạng Thánh giáo tại dưới cẳng chân Ông, vì sao chẳng liếc đất?” vị Tăng ấy mặt mờ, Sư bèn hét. Lại khám xét một vị Tăng khác: “Thích-ca, Di-lặc là đứa ở của người kia, vậy người kia ấy là ai?” vị Tăng ấy định trả lời, Sư bèn đánh. Có vị Tăng mới đến, Sư hỏi: “Ông ở xứ nào lại?” vị Tăng ấy đáp: “Ở đất Mân”. Sư hỏi: “Xứ đó Phật pháp trú trì như thế nào?” Vị Tăng ấy đáp: “Đói thì ăn cơm, nhọc thì nằm ngủ”. Sư bảo: “Sai nhầm” Vị Tăng ấy thưa: “Chưa xét rõ Hòa thượng ở nơi đây trú trì như thế nào?” Sư bèn phủ tay áo trở về phương trượng, vị Tăng ấy bèn thôi đi. Sư ở đó bốn năm thì thị tịch, lưu lại kệ tụng già biệt đại chúng rằng:

*“Duyên hợp thì lại,
Duyên tan thì đi,
Khua ngã Tu-di,
Hư không riêng bày”.*

Sư hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi hai hạ lạp.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIÊN SƯ VÂN NGOẠI Ở THIÊN ĐỒNG**1. Thiên sư Đại Chứng ở Tuyết đậu.**

Thiên sư Đại Chứng - Vô Ấn ở Tuyết đậu tại Minh châu Sư ở Phan dương, Sư ra đời ngày hai mươi bốn tháng giêng Đinh dậu (1297) thuộc niên hiệu Đại Đức (1297 - 1308) thời nhà Nguyên. Từ thừa bé thơ Sư đã đĩnh ngộ khác thường, song thân biết không thể lưu giữ ở đời được, nên bảo Sư nương Thiên sư Trí Tiết ở chùa Xương quốc tại trong châu mà học pháp xuất thế. Năm mười bốn tuổi, Sư xuống tóc, thọ giới Cụ túc. Sau ra bái yết Thiên sư Uyển - Kinh Thạch ở Viên thông tại Lô châu, có duyên đàm nói không khế hợp. Bấy giờ Thiên sư Tuyên - Tư Am ở phòng bên cạnh, thường ngày Sư sang thân gần rền luyện. Gặp lúc Thiên sư Tụ - Vân Ngoại vừa mới xuống đạo của Tào Động ở Thiên đồng. Sư bèn đến nương tựa đó. Một ngày nọ vào trong thất, Thiên sư Tụ hỏi: “Ngày nay Thiên Đồng gặp nạn chết lớn, các người làm sao cứu?” Sư đáp: “Xin Hòa thượng ăn cơm”. Lại hỏi: “Ngày nay Thiên đồng gặp nạn chết lớn, chẳng cần các người cùng vì cứu giúp”. Sư thưa: “Cứu kẻ khác làm gì?” Lại hỏi: “Ngày nay Thiên đồng gặp nạn chết lớn, ai là người cùng ta đồng đi?” Sư đáp: “Hòa thượng đi trước tôi sẽ đi theo sau”. Thiên sư Tụ cười lớn ha ha. Từ đó tình đồng như cá với nước. Như Quy sơn cùng với Tịch tử vậy, bèn bảo Sư trông giữ giáo tạng. Thế rồi Sư đến bái yết Thiên sư Bản - Trung Phong ở núi Thiên mục, Thiên sư Bản nhã cùng mến quý. Đến trong khoảng niên hiệu Chí Trị (1321 -1324) thời nhà Nguyên, triều đình ban chiếu nhóm tập mọi người khéo giỏi viết chữ trong thiên hạ để cùng viết tạng kinh bản chữ vàng. Sư cùng Diệu Công Quốc sư đồng đến phương Bắc lên vào hầu. Sau khi công việc hoàn tất, ban tặng Sư áo rủ che mắt dệt bằng vàng. Khoảng đầu niên hiệu Thái Định (1324) thời nhà Nguyên, theo hướng nam Sư trở về lại Giang chế. Thừa tướng Thoát Hoan đang đảm lãnh Hành tuyên chánh viện sự, bèn thỉnh mời Sư đến làm chủ ở Nam thiền, giảng đạo nối dõi dòng pháp, từ Thiên sư Tụ - Vân Ngoại. Thiên sư Tụ là nối dõi từ Thiên sư Cử - Trực Ông, Thiên sư Cử nối dõi Thiên sư Quang - Đông Cốc, Thiên sư Quang nối dõi Thiên sư Tộ - Minh Cực, Thiên sư Tộ nối dõi Thiên sư Vượng - Tự Đắc, đó là sáu đời của cổ Phật tại Tháp châu. Tiếp theo, Sư đến nhận lãnh Quang hiệu, lại chuyển dời đến ở Tường phù tại Tín châu, rồi sang Thúc Nham ở Hồng châu, Chi sơn ở Nhiêu châu đều lấy Hành viện mà thỉnh mời. Sư lấy cơ bệnh mà cố chối từ. Đến năm Chí Chánh thứ bảy (1347) thời nhà Nguyên, Sư đến làm chủ ở Định thủy, tại Khánh nguyên. Qua chín năm, Sư lại dời

lên ở Tuyết đậu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Ngàn nói muôn nói chẳng như thăm mặt một lần thấy, hôm qua là hai mươi chín, ngày nay là mồng 01 tháng 07, báo cùng các người tham huyền nhân, thời gian như tên bay, mẹ sinh hai tròng mắt, mỗi một đen như sơn. Gấp, gấp, gấp xoay đầu nhìn lấy Phật Thiên Chân lâu nay là mặt mắt gì? Xong, Sư xuống khỏi tòa, tuần đường và uống trà. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Diệu chẳng diệu, mũi nạp Tăng phần nhiều không lỗ huyền chẳng huyền trên đầu sát can không trời xanh. Hàng Chí sĩ sao dung dễ xủ tay áo, ngựa khéo tốt, há đợi vút roi, siêu nhiên đánh gậy quát hét chẳng rơi lạc nấm lười. Trăm chim chẳng đến mùa xuân lại đi. Hang phòng đầy được mặt nhật ngủ cao”. Ở đó bốn năm rồi lui ở am viên Minh tại Định thủy. Qua năm sau, ngày 21 tháng 09 Tân sửu (1361) Sư thị tịch, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. Nghinh thỉnh khám trà tỳ, lửa tàn, răng ngà chuỗi hạt không cháy rã, có Xá-lợi ánh ngời. Môn nhân đệ tử như Sa-môn Cảnh Vân v.v... gom nhạc di cốt không rã hoại, dựng tháp an táng tại sau am Viên minh.

ĐỆ TỬ NÓI DỐI THIÊN SƯ SÙNG NHẠC Ở LINH ẨN

1. Thiên sư Thiện Khai ở Kim sơn.

Thiên sư Thiện Khai, tự là Yểm Thất ở Kim sơn tại Trấn giang. Có lúc lên giảng đường, nêu cử câu thoại Mật am phá bể chậu cát, xong Sư đọc bài tụng rằng

*“Pháp nhãn nắm lại sớm có thừa,
Tự nhiên bày đáp phá chậu cát,
Mà nay khắp nơi khó ngăn bít,
Ương lại từng lâm, lụy cháu con.”*

2. Thiên sư Phổ Nham ở Đạo tràng.

Thiên sư Phổ Nham - Vận Am ở Đạo tràng tại Hồ châu. Sư có đề bài kệ nói tôn tượng Triệu Châu lơ rờ

*“Không đâu dất lại áo bảy cân,
Ít nhiều Thiên nhân chú ý tham,
Đến tận châu làm hang ổ,
Chẳng biết sắc xuân tại Nam giang”.*

Sư có các đệ tử nói dối như Thiên sư Ngu - Hư Không, Thiên sư Diễn - Thạch Phàn v.v...

3. Thiên sư Giác Thông ở Hoa Tạng.

Thiên sư Giác Thông, tự là Vô Đắc ở Hoa tạng. Nhân ngày hội miêu (Mâm xanh) lên giảng đường Sư bảo: “Phá một mảy trần ra Đại

kinh, chim bay cá nhảy lại phân minh, chẳng đem mắt xem dùng tâm ngắm, đã là lớp đánh băng trong lửa, ngâm đậu đen mê mờ bình sinh, ngày phải ngoài kiếp nói được mùa, dẹt thành mây trắng dâu lại biếc, cắt hết mây vàng lúa chánh xanh” Sư có đệ tử là Thiên sư Độ - Hư Chu nổi đời dòng pháp v.v...

4. Thiên sư Hy Liên ở Long tường.

Thiên sư Hy Liên - Thạch Nham ở Long tường tại Ôn châu, vốn người dòng họ Mã ở Triều dương. Nhân trong thất, có vị Tăng hỏi: “Ngày xưa Thiên sư Quang - Phật Chiếu, nhân vua Hiếu Tông (Triệu Thận 1163 - 1190) thời Nam Tống tuyên hỏi: “Đức Phật Thích-ca vào núi sáu năm, thành đạt việc gì?” Thiên sư Quang đáp: “Sắp gọi là bệ hạ quên mất”, là thế nào?” Sư dùng kệ tụng đáp:

*“Căn lớn khí lớn huân tu lớn,
Liếc chuyển xoay có hướng lên đầu,
Muôn đức năm nay chỉ một Phật,
Núi Tuyết chẳng cách lâu rồng”.*

5. Thiên sư Quang Mục ở Thụy nham.

Thiên sư Quang Mục - Thiếu Thất ở Thụy Nham. Có lúc lên giảng đường nêu cử: “Thiên sư Hà - Tào Sơn nhân có vị Tăng đứng hầu bên cạnh, bèn hỏi: “Đạo giả có thể giết nóng chẳng?” Vị Tăng ấy đáp: “Phải”. Lại hỏi: “Chỉ như nóng hưởng đến nơi nào lánh né?” Vị Tăng ấy đáp: “Lánh né trong vạc sôi là đồ”. Lại hỏi: “Chỉ như vạc sôi lò đồ lại làm sau sóng lánh né?” Vị Tăng ấy đáp: “Các khổ không thể đến”. Xong, Sư nói bài tụng rằng:

*“Mù ngay ba mắt ở Đảnh môn,
Ưu du trong vạc sôi lò đồ,
Nếu nói các khổ chẳng thể đến,
Đích xác nào từng có địa đầu”.*

6. Thiên sư Văn Lễ - Thiên Mục.

Thiên sư Văn Lễ - Thiên Mục ở Thiên đồng tại Minh châu, hiệu là Diệt Ông, vốn người dòng họ Nguyễn ở Lâm an tại Hàng châu, gia đình Sư ở sườn núi Thiên mục, nhân đó mà xưng gọi Sư là: “Thiên mục”. Lúc vừa mới sáu tuổi, Sư xách giỏ theo mẹ đi hái dâu, bỗng nhiên tỉnh ngộ, nghĩ tưởng, người dẫn dắt mình là ai? Bèn có chí ý muốn xuất gia. Năm mười sáu tuổi Sư đến nương tựa Sa-môn Trí Nguyệt ở chùa Chân tướng tại trong làng quê mà cầu xin xuống tóc. Sau đó, Sư đến Tịnh từ dự tham nơi Thiên sư Hồn Nguyên, Thiên sư Hồn Nguyên nêu cử câu thoại. Hiện thành công án, tha cho người ba mươi gậy, nhưng Sư chẳng

khế ngộ, bèn đến bái yết Thiền sư Quang - Phật Chiêu ở Dục vương. Thiền sư Quang hỏi: “Nghĩ gì lại, cái gì là chư nhân ông của người?” Bồ đề nhiên Sư lãnh ngộ ý chỉ. Ngày khác, Thiền sư Quang lại hỏi: “Là gió động, hay là phướng động, vị Tăng ấy như thế nào?” Sư đáp: “Vật hiện trông mắt dựng đứng”. Lại hỏi: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướng động, nơi nào thấy được Tổ sư?” Sư đáp: “Dựng liền nào che”. Thiền sư Quang vui mừng Sư nhảy bén vượt qua cửa Sư, bèn kéo làm thư ký. Lâu sau, Sư trở về lại Chế tây, nghe yếu chỉ “Nhất tâm tam quán ở Thượng Thiên trúc. Thiền sư Nhạc - Tùng Nguyên trong xứ đạo ở Tiên phước tại Nhiêu châu, trong thất hỏi một vị Tăng rằng: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướng động, phỏng định bàn luận, tức cây gậy gậy ra”. Nghe thế Sư chóng quên ngay mọi sự hiểu biết, mới đến dự tham và được ẩn khả chứng đắc rốt ráo yếu chỉ đó. Xong, Sư già từ Thiền sư Nhạc - Tùng Nguyên, vân du tham lễ các tháp Tổ ở xứ Giang hoài. Bấy giờ Thiền sư Diễm - Chế Công đang làm chủ tại Tương sơn, kéo mời Sư đến mong làm vị Tăng thủ tòa. Tấn Lăng Vương Công Dục vài lần đến núi, đọc lời Sư đề xương, bèn rất vui thích đơm nhuần. Đến năm Gia Định thứ năm (1212) thời Nam Tống, Ước trai Cư sĩ Triệu Công Tư thỉnh mời Sư khai đường giải pháp tại Tuệ vân ở Lâm an. Một nén hương làm nổi dãi dòng pháp từ Thiền sư Nhạc - Tùng Nguyên. Thế rồi Sư chuyển dời đến ở Năng nhân tại Ôn châu, sau đó không lâu, Sư lại già từ về ở Tây khâu, bấy giờ Tiết trai Triệu Công rất mến mộ hạnh cao của Sư, dần đơm nhuần qua đến ở Tây khâu. Sư chẳng hỏi về họ tên chỉ cùng nhau đàm nói trọn ngày mà thôi. Ngày hôm sau, Triệu Công tấu trình thỉnh mời Sư đến ở Tịnh từ. Ở trong thất, mỗi lần nêu cử câu thoại mặng tre Nam sơn, cá mực Đông hải, các học giả phỏng định bàn nghị, Sư liền thúc ngà xuống ba cái. Chẳng có ai ghé hạp được. Sau đó Sư lại chuyển dời về ở Phước tuyên lên ở Thiên đồng.

Nhân lên giảng đường, nêu cử: “Trong kinh Lăng Nghiêm nói: “Các người có thể lại chẳng phải là người - Chẳng phải người ở lại, chẳng phải người thì ai?” Xong, Sư đọc bài tụng rằng:

“Chẳng phải người trở lại là ai?

Hồng dục chảy ở đá câu cá,

Mặt nhật lờng gió định không người quét,

Chim yến ngậm đen khoảng nước bay”.

Nhân ngày đông chí, lên giảng đường Sư bảo: “Chuông vàng lúc mới dậy, chín số theo đầu đếm, cùng dẫn cốc sâu oanh hót, lần lược xà sườn yến ca, điền phụ tế cứu mang, từng từ đánh trống xả. Nông phụ

quen Ngư lang. Gái thôn dạy kén tằm, thời gian già hết người trong đời. Đông chí hàn thực một trăm năm”. Lại nhân ngày húy kỵ Thiền sư Hoàng Trí, lên giảng đường, Sư bảo: “Đêm sáng ngoài rèm, kiếng bán trước nhà, vốn không gồm mang, đâu có thiên viên, chánh lúc nghĩ gì rồi cùng ai ở chánh vị. Xưa trước không người sương trắng lạnh. Hoa lau gió lẳng cò trắng ngủ”. Có Thượng tọa đến, vào thẳng nơi phương trượng thưa: “Tôi có cáo trạng, xin báo cùng Hòa thượng”. Sư bảo: “Đổi đầu tại nơi nào?” Thượng tọa ấy thưa: “Hòa thượng bên phải”. Sư bảo: “Lão tăng cùng ông có oán thù gì?” Thượng tọa ấy im lặng. Sư bèn bắt dừng lại và bảo: “Oan gia, oan gia, mới đến cùng xem”. Sư hỏi: “Ông tên là gì?” Thượng tọa ấy đáp: “Tên là Trí Hổ”. Sư rút lui thân mình làm thế sợ hãi, vị Tăng ấy phủng bàn nghị, Sư bèn trở về phương trượng. Lại có Thiền sư Pháp Chiếu - Phật Quang, mới đầu đến nương tựa nơi Sư lúc ở Lương chữ, Sư bảo đến Hạ trúc mà dự tham nơi Thiền sư Ấn - Bắc Phong. Và Sư làm hai bài kệ tụng tiễn đưa Pháp Chiếu rằng: “Đưa ông tham tìm có Thứu sơn, các phương lấm phải lạc trước ba, từ sau mở khác đồng về lại, viên chỉ đến nay cũng nhọc bàn, chọn cảnh rõ ràng phương thuốc khéo, ngoài ra phân biệt lại phải quên. Gió chiều thổi rơi mảnh hồng tàn, thôi hướng đầu rừng tìm hương cũ”. Khấp chồn từng lâm đến nay vẫn lưu truyền đọc tụng không ngừng dứt. Sư rất thấu hiểu sâu sắc về dịch học. Trong niên hiệu Càn Thuần (?), các nho sĩ mạnh dạng xiển dương đạo học. Sư cùng họ đem tâm pháp mà chỉ thẳng, chẳng gì quên ngữ thế gian theo vui vậy. Chu Hối Am hỏi về chớ bất kính, Sư bắt treo tay mà chỉ bày đó. Dương Từ Hồ hỏi về sức chẳng lừa dối:” Sư dùng kệ tụng mà trả lời rằng:

*“Sức này rõ ràng là chẳng dối,
Chẳng dối có được mấy người hay,
Muốn rõ voi thỏ câu toàn đề,
Nhìn lấy Chánh Hốt lúc lên thêm”.*

Sư thấu hiểu nhân loại như thế đó. Sư giãm trải qua năm ngôi chùa nhưng chẳng quá chín năm, mà năm tháng được nhàn rồi, phần nhiều Sư tiêu dao tại Tây khâu, Lương chữ. Các nạp Tăng đến tham khấu đông nhiều không khác lúc Sư đang lãnh chúng. Sư là người cao đơn giản kiệm ước, chẳng bó buộc bởi nói cười. Lúc sắp thị tịch đang trong cơn bệnh, Sư hỏi thị giả rằng: “Ai có thể cùng ta đến tháp Vô Phùng?” Thị giả thưa: “Xin Sư cho biết dạng tháp?” Sư bảo: “Dốc sức họa vẽ chẳng ra”. Xong, Sư bèn điềm nhiên thị tịch. Sau khi trà tỳ, các đệ tử gom nhạc Xá-lợi và di cốt Tôn Trí an táng tại bên tả tháp của

Thiền sư Ứng Am. Sư hưởng thọ tám mươi bốn tuổi, sáu mươi tám hạ lạc, đệ tử nối dõi
hoằng triền dòng pháp của Sư có Thiền sư Củng (???)
- Hoành Xuyên, và Thiền sư Củng (???) Thạch Lâm, được tôn xưng là hai cam lồ môn.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 36 (Hết)

